CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam

Ngày 31/03/2025	17,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.7%	**9.4%**	**30.0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,863 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
Số lượng CPLH (CP)	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	240
Sở hữu nước ngoài	1.8%
Beta	
EPS	877
P/E	19.9

DT thuần
Q1/25
4.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.7| -89.9%
YoY: ▲ 2.15| 103%

LN thuần
Q1/25
-0.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.92| -115%
YoY: ▲ 0.76| 75.5%

LN sau thuế
Q1/25
-0.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.65| -117%
YoY: ▲ 0.19| 44.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-5.3%
YoY: +/-▼ 9.1%

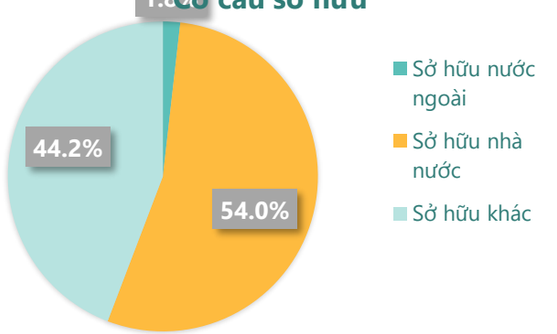
ROE (TTM)
Q1/25
6.0%
YoY: +/-▲ 0.5%

DT thuần
2024
74.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.40| -8.0%

LN thuần
2024
2.74
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.82| 42.6%

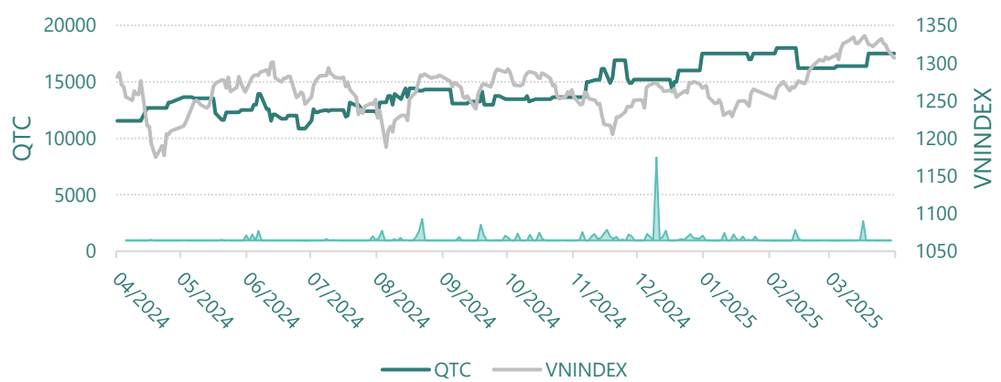
LN sau thuế
2024
2.25
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.42| 23.2%

Cơ cấu sở hữu

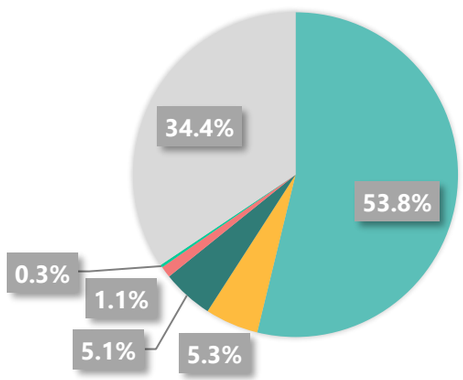


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



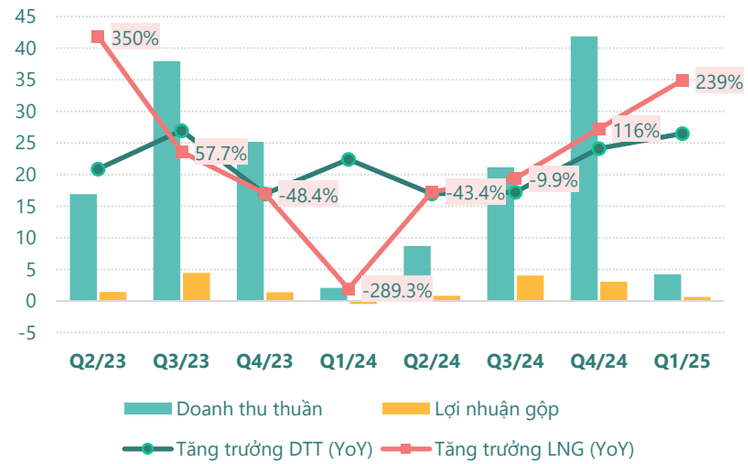
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

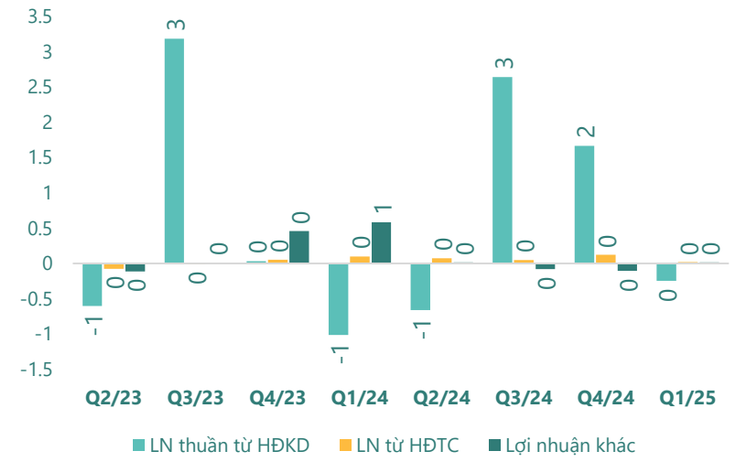
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



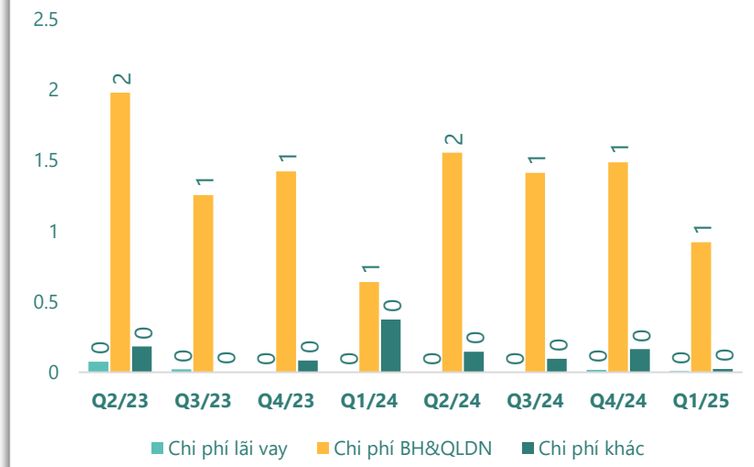
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



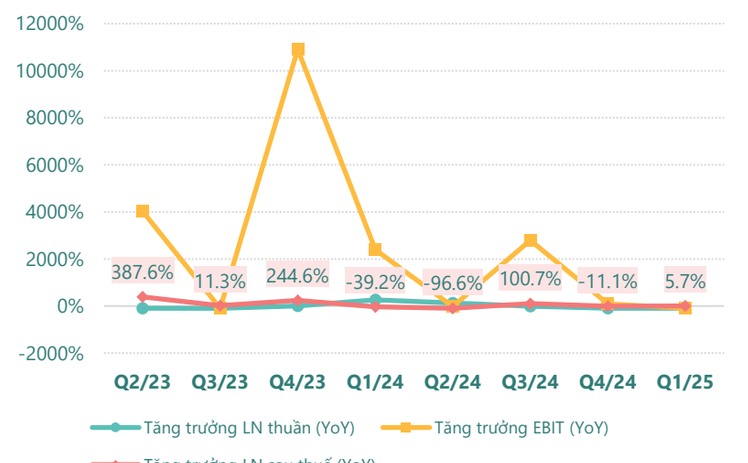
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



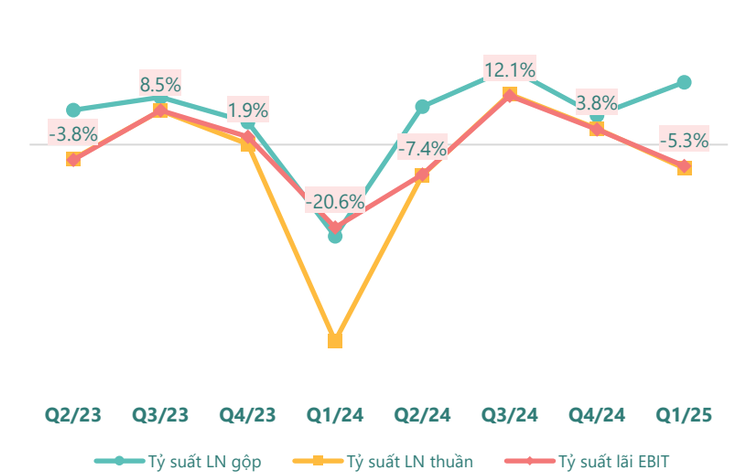
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



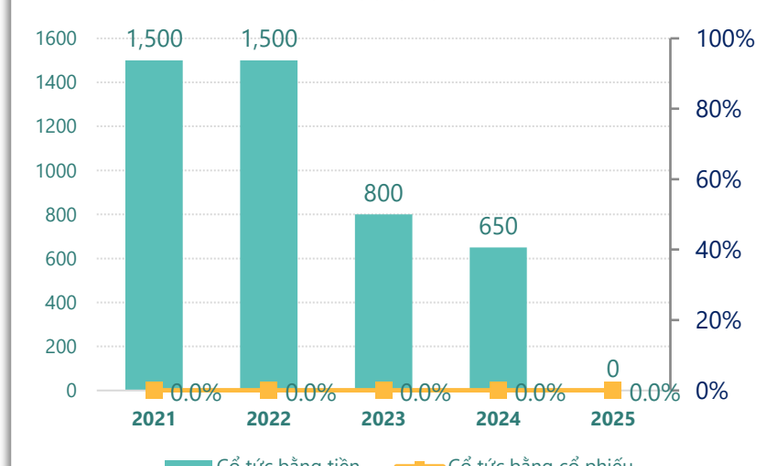
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

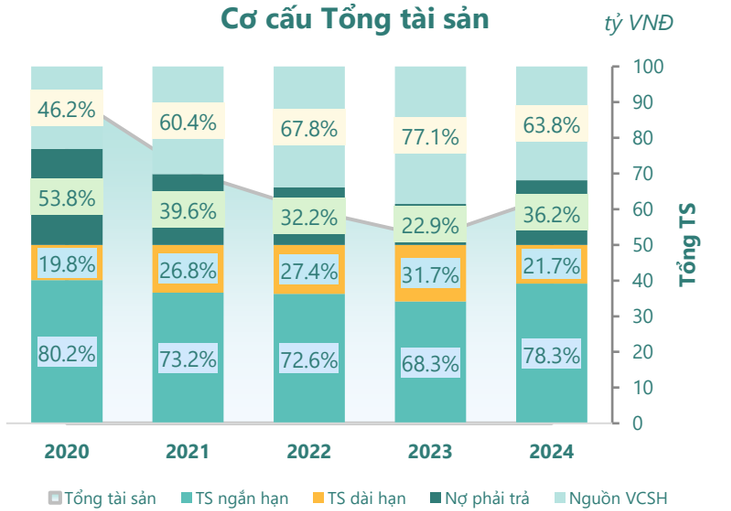
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

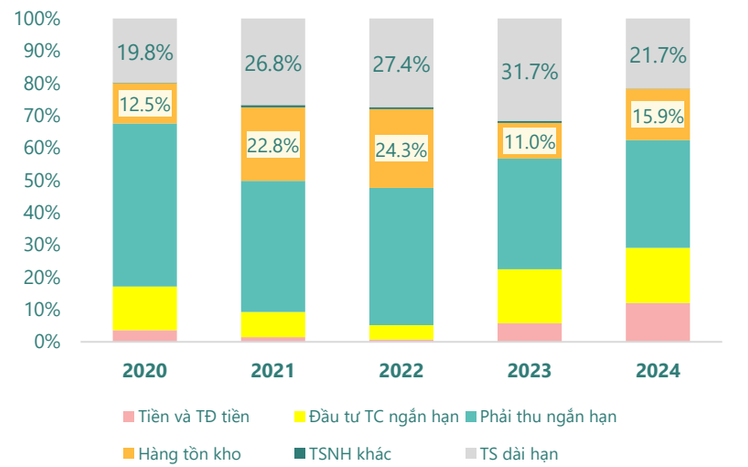
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



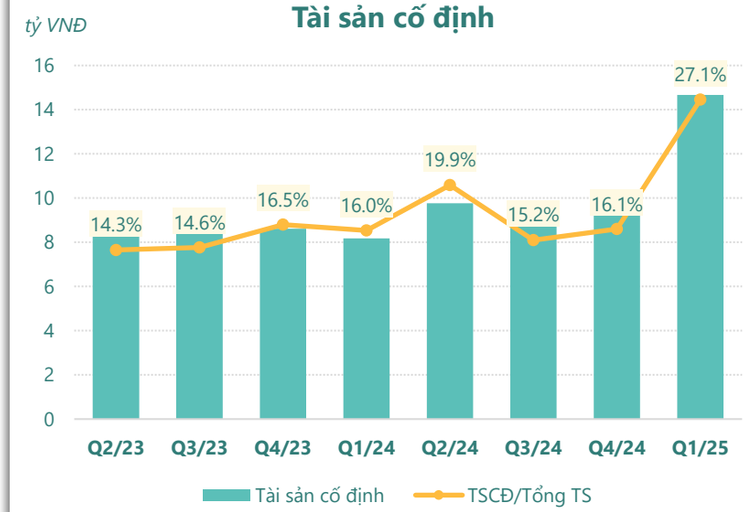
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



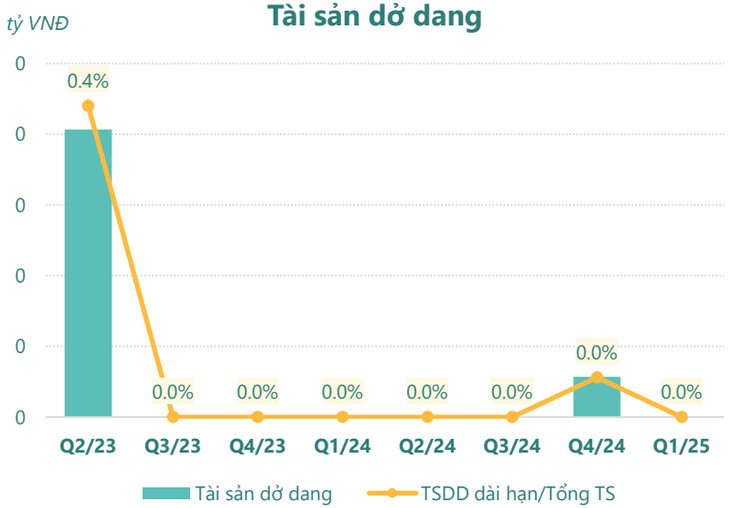
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



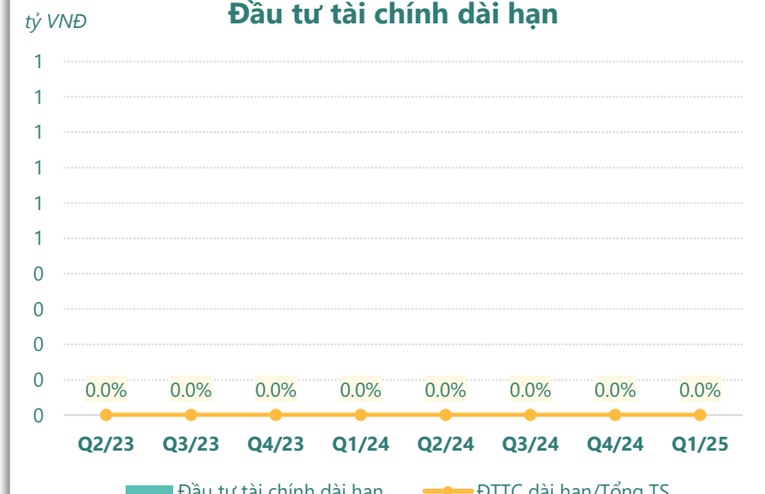
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



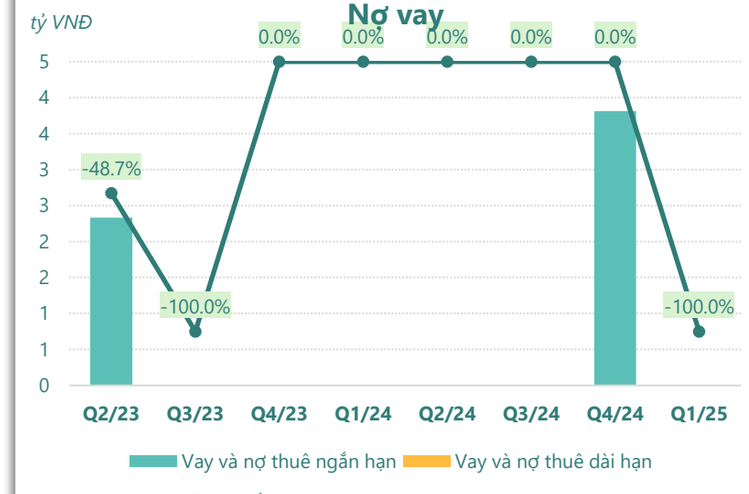
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

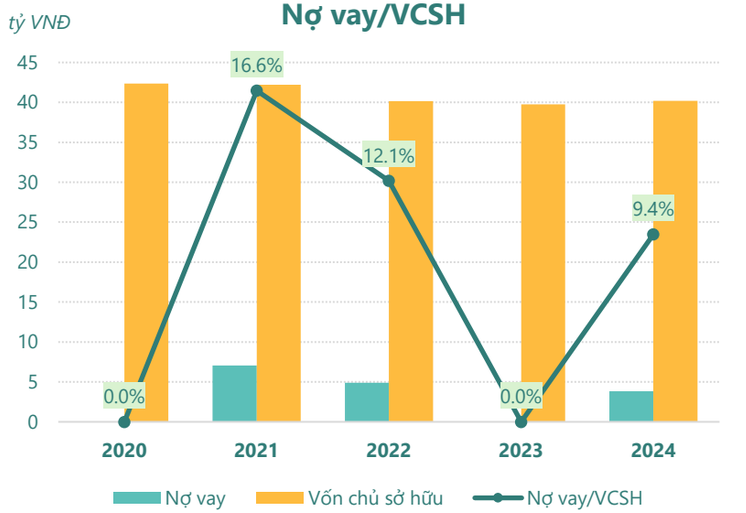
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

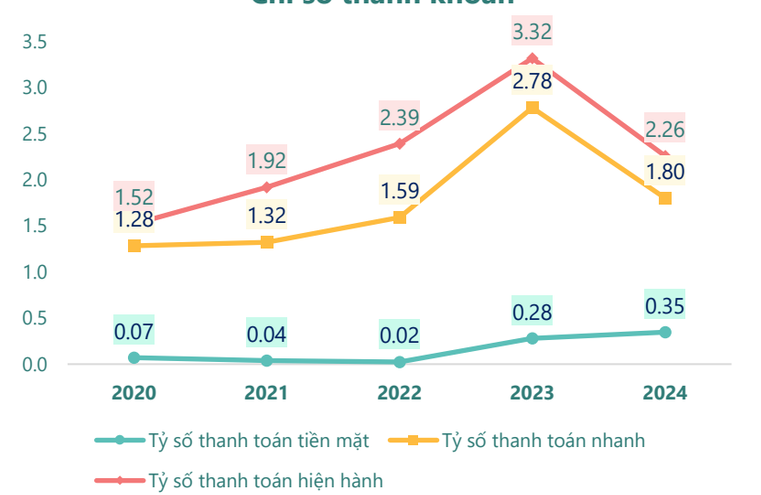
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



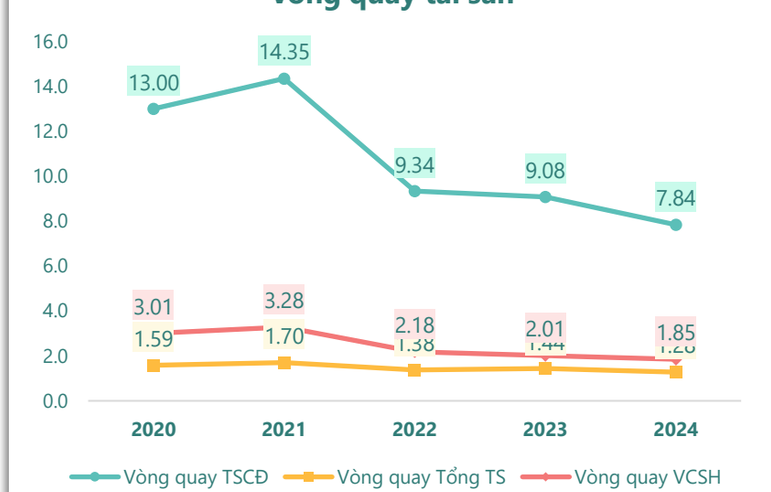
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



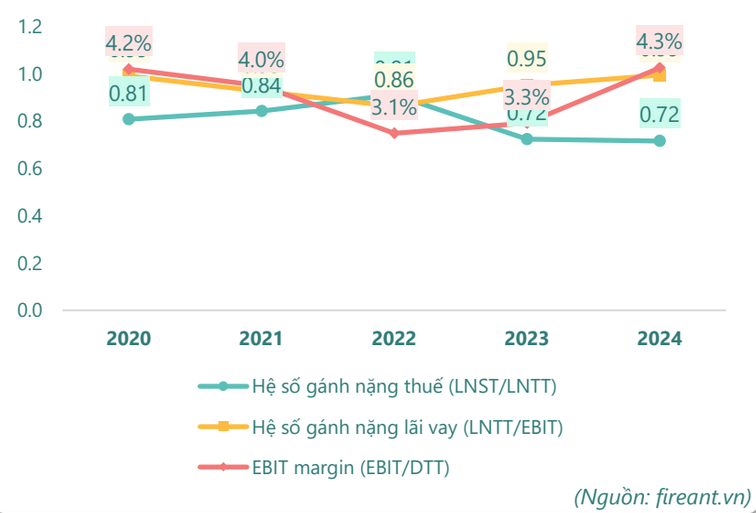
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



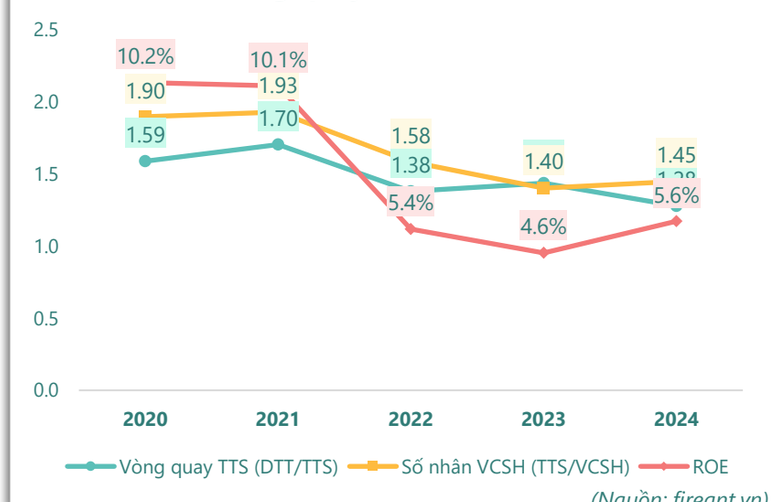
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



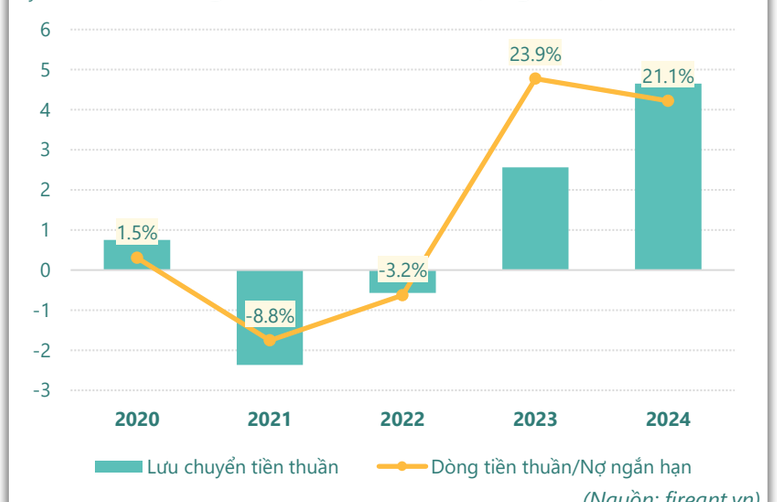
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.23**	**2.08**	**103%**	**74.0**	**80.4**	**-8.0%**
Giá vốn hàng bán	3.57	2.55	40.2%	66.5	72.9	-8.8%
Lợi nhuận gộp	0.65	-0.47	239%	7.51	7.55	-0.5%
Doanh thu HĐTC	0.11	0.12	-8.2%	0.44	0.21	109%
Chi phí TC	0.09	0.02	357%	0.10	0.27	-64.6%
Chi phí lãi vay	0.01	0.00		0.02	0.13	-86.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.92**	**0.64**	**43.9%**	**5.12**	**5.58**	**-8.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.25	-1.01	75.5%	2.74	1.92	42.6%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.58**	**-97.5%**	**0.41**	**0.60**	**-32.9%**
LN trước thuế	-0.23	-0.43	45.7%	3.14	2.52	24.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.24**	**-0.43**	**44.2%**	**2.25**	**1.83**	**23.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.24**	**-0.43**	**44.2%**	**2.25**	**1.83**	**23.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.53	4.34	-2.55	5.64	-0.33	2.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.16	-2.65	4.92	-5.35	-1.42	0.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.16	0	0	0	2.06	-3.81
Tiền đầu kỳ	4.78	3.00	4.68	7.06	7.35	7.65
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.78**	**1.69**	**2.37**	**0.29**	**0.30**	**-0.66**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.00	4.68	7.06	7.35	7.65	6.99

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**54.1**	**63.7**	**-15.0%**
Tài sản ngắn hạn	36.1	49.9	-27.7%
Tiền và tương đương tiền	6.99	7.65	-8.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.88	10.8	-45.7%
Phải thu ngắn hạn	8.12	21.3	-61.8%
Hàng tồn kho	14.6	10.1	44.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	0.01	6525%
Tài sản dài hạn	**18.1**	**13.8**	**30.8%**
Phải thu dài hạn	2.28	2.06	10.9%
Tài sản cố định	14.7	10.3	43.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.03	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.13**	**1.48**	**-23.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	13.8	23.1	-40.3%
Nợ ngắn hạn	**12.8**	**22.1**	**-42.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.81	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.90	8.25	-28.5%
Nợ dài hạn	1.02	1.02	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**40.4**	**40.6**	**-0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**40.0**	**40.2**	**-0.6%**
Vốn điều lệ	27.0	27.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.41**	**0.41**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)